

Số: 102 /GPMT-UBND

Bắc Quang, ngày 19 tháng 12 năm 2024

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của  
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của  
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều  
của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Công ty cổ phần GPTEK tại Văn bản số 29/GPTEK-  
GPMT ngày 29/11/2024 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở  
"Nhà máy sản xuất vàng mã - Công ty cổ phần GPTEK"; Văn bản số 30/CV-  
GPMT ngày 29/11/2024 của Công ty cổ phần GPTEK về việc giải trình, làm rõ  
các nội dung chỉnh sửa, bổ sung Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường Nhà  
máy sản xuất vàng mã của Công ty cổ phần GPTEK;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Bắc  
Quang tại Tờ trình số 2028/TTr-TNMT ngày 18 tháng 12 năm 2024 về việc cấp  
giấy phép môi trường cơ sở Nhà máy sản xuất vàng mã của Công ty cổ phần  
GPTEK tại Cụm công nghiệp Nam Quang huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty Cổ phần GPTEK (địa chỉ: Cụm công  
nghiệp Nam Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang) được thực hiện các hoạt  
động bảo vệ môi trường của Nhà máy sản xuất vàng mã tại Cụm công nghiệp  
Nam Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang với các nội dung như sau:

#### 1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất vàng mã tại Cụm công nghiệp Nam  
Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

1.2. Địa điểm hoạt động: Cụm công nghiệp Nam Quang, huyện Bắc  
Quang, tỉnh Hà Giang.

### 1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5100246870 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp, đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 02 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 24 tháng 10 năm 2018.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 1177337858 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp, chứng nhận lần đầu: ngày 06 tháng 5 năm 2013, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 26 tháng 10 năm 2018.

### 1.4. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Quy mô dự án:

+ Công suất thiết kế: 250 tấn sản phẩm/năm.

+ Diện tích khu vực khai thác: 9.659,9 m<sup>2</sup>.

+ Sản phẩm dịch vụ cung cấp: Giấy vàng mã.

- Quy mô kiến trúc xây dựng:

Nhà điều hành: Nhà xưởng có diện tích xây dựng 655 m<sup>2</sup>; văn phòng điều hành có diện tích xây dựng 180 m<sup>2</sup>; sân bãi chứa nguyên liệu có diện tích xây dựng 300 m<sup>2</sup>; Đường nội bộ, tường bao che có diện tích xây dựng 450 m<sup>2</sup>; Các công trình phụ trợ khác có diện tích xây dựng 200 m<sup>2</sup>.

## 2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

### Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần GPTEK:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần GPTEK có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân huyện Bắc Quang, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Ủy ban nhân dân huyện Bắc Quang.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký Giấy phép này.

**Điều 4.** Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân thị trấn Vĩnh Tuy tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- CT, các PCT UBND huyện;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện;
- Công Thông tin điện tử huyện;
- UBND thị trấn Vĩnh Tuy;
- Công ty Cổ phần GPTEK;
- Lưu: VT, CVTH.

Ngày: 09-07-2025

1034037- - 011

Số chứng thực.....Quyển số.....SCT/BS

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đàm Thuyên



CÔNG CHỨNG VIÊN

Chu Bích Hợp



## PHỤ LỤC 1

### NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số: 102 /GP-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Bắc Quang)

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

##### 1. Nguồn phát sinh nước thải:

###### 1.1. Nước thải sinh hoạt:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt là: 1 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

###### 1.2. Nước thải sản xuất:

- Nguồn số 02: Nước thải sản xuất là 99,9 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

##### 2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận gồm 02 dòng thải, cụ thể:

- 01 dòng nước thải sinh hoạt: Nước thải sau khi qua bể xử lý 2 ngăn và chảy vào rãnh thoát nước của khu vực thuộc Cụm công nghiệp Nam Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

- 01 dòng nước thải sản xuất: Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý nước thải sản xuất và chảy vào nguồn nước tiếp nhận nước thải sông Lô chảy qua Cụm công nghiệp Nam Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

###### 2.1. Dòng nước thải sinh hoạt đã được xử lý sau bể xử lý 2 ngăn.

2.1.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Rãnh thoát nước của khu vực thuộc Cụm công nghiệp Nam Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

###### 2.1.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả nước thải: Tại 01 ống xả sau bể xử lý 2 ngăn của dự án Nhà máy sản xuất vàng mã tại Cụm công nghiệp Nam Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

- Tọa độ vị trí xả nước thải:

$$X = 2461108; \quad Y = 439220.$$

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105<sup>0</sup>30', múi chiếu 3<sup>0</sup>)

2.1.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 1 m<sup>3</sup>/ngày.đêm

2.1.4. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.1.5. Chế độ xả nước thải: Liên tục.

2.2. Dòng nước thải sản xuất đã được xử lý sau hệ thống xử lý nước thải sản xuất

2.2.1. *Nguồn tiếp nhận nước thải*: Sông Lô chảy qua Cụm công nghiệp Nam Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

2.2.2. *Vị trí xả nước thải*:

- Vị trí xả nước thải: Tại 01 ống xả sau hệ thống xử lý nước thải của dự án Nhà máy sản xuất vàng mã tại Cụm công nghiệp Nam Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

- Tọa độ vị trí xả nước thải:

$$X = 2461200; \quad Y = 439335.$$

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ , múi chiều  $3^{\circ}$ ).

2.2.3. *Lưu lượng xả nước thải lớn nhất*:  $99,9 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$

2.2.4. *Phương thức xả nước thải*: Tự chảy.

2.2.5. *Chế độ xả nước thải*: Gián đoạn.

### 2.3. *Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận*

2.3.1. Chất lượng nước thải sinh hoạt trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt – QCVN 14:2008/BTNMT, cột B với hệ số  $K=1,2$ , cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ/ Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5-9	Không phải thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	60	
3	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1200	
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120	
5	Amoni (Tính theo N)	mg/l	12	
6	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	4,8	
7	Nitrat (NO <sub>3</sub> -) (tính theo N)	mg/l	60	
8	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> ) (tính theo P)	mg/l	12	
9	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24	
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12	
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000	

2.3.2. Chất lượng nước thải sản xuất trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp-QVCN 40:2011/BTNMT, cột B với hệ số  $K_q = 0,9$ ,  $K_f = 1,1$ , cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ/ Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5,5-9	Không phải thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	Nhiệt độ	°C	44	
3	TDS	mg/l	-	
4	TSS	mg/l	110	
5	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup>	mg/l	11	
6	Fe	mg/l	5,5	
7	Tổng N	mg/l	44	
8	Tổng P	mg/l	6,6	
9	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/l	11	

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Dự án có 04 khu vực phát sinh nước thải sinh hoạt đều thuộc công trình nhà điều hành, cụ thể:

- Nước thải WC: nước thải dẫn xuống bể tự hoại 3 ngăn dung tích 1m<sup>3</sup> xây ngầm đặt bên dưới khu vực nhà vệ sinh để xử lý sơ bộ, sau đó nước thải dẫn qua đường ống uPVC D90, vào bể xử lý nước thải 2 ngăn dung tích 1,2m<sup>3</sup> trước khi xả ra ngoài môi trường.

- Nước thải thoát sàn: thu gom toàn bộ nước thải phát sinh từ quá trình rửa tay chân, tắm giặt, rửa sàn qua các đường ống PVC D90, chiều dài 6m vào bể xử lý nước thải 2 ngăn trước khi xả ra.

- Nước thải từ nhà bếp được đưa vào bể tách dầu mỡ 3 ngăn trước khi đầu nối vào bể xử lý nước thải 2 ngăn.

- Nước thải sinh hoạt tại khối nhà ở, văn phòng được thu gom và thoát ra rãnh thoát nước chung của khu vực.

## 1.2. Công trình xử lý nước thải:

### 1.2.1. Bể tự hoại

- Quy trình công nghệ: Nước thải được đưa vào ngăn chứa của bể, có vai trò làm ngăn lắng - lên men kỵ khí, đồng thời điều hòa lưu lượng và nồng độ chất bẩn trong dòng nước thải. Nhờ các vách ngăn hướng dòng, ở những ngăn tiếp theo, nước thải chuyển động theo chiều từ dưới lên trên, tiếp xúc với các vi sinh vật kỵ khí trong lớp bùn hình thành ở đáy bể trong điều kiện động, các chất hữu cơ được các vi sinh vật hấp thụ và chuyển hóa, đồng thời, cho phép tách riêng 2 pha (lên men axit và lên men kiềm). Ngăn cuối cùng là ngăn lọc kỵ khí, có tác dụng làm sạch bổ sung nước thải, nhờ các vi sinh vật kỵ khí gắn bám và sinh trưởng trên bề mặt các hạt của lớp vật liệu lọc và ngăn chặn lơ lửng trôi ra theo nước.

- Bể tự hoại 3 ngăn tương ứng với 3 chức năng chính là chứa – lắng – lọc.

+ Ngăn chứa: Nước thải từ nhà vệ sinh xả vào bồn WC trôi sang ngăn chứa, tại đây nước thải được xử lý cơ học và sinh học nhờ O<sub>2</sub> quá trình là lắng cặn và lên men kỵ khí bằng vi sinh vật. Do tốc độ nước qua bể rất chậm nên quá trình lắng cặn trong bể có thể xem như quá trình lắng tĩnh, dưới tác dụng trọng lực, cặn được lắng xuống đáy bể, các chất hữu cơ bị phân hủy nhờ hoạt động của các vi sinh vật kỵ khí. Cặn lắng được phân hủy làm giảm mùi hôi, thu hẹp thể tích bể chứa đồng thời giảm các tác nhân gây ô nhiễm môi trường. Tại ngăn này, được lắp đặt ống thông hơi để giải phóng khí thoát từ quá trình phân hủy kỵ khí các hợp chất hữu cơ. Ngăn chứa có không gian diện tích lớn nhất, bằng ½ thể tích bể bởi đây là nơi chứa đựng chất thải ngay từ khi chưa được phân hủy.

+ Ngăn lắng: Cặn lơ lửng trong nước thải không thể lắng được ở ngăn chứa sẽ tiếp tục theo dòng nước vào ngăn lắng. Ngăn lắng chiếm thể tích ½ ngăn tự hoại và bằng ngăn lọc trong cấu tạo của bể.

+ Ngăn lọc: Các chất thải sau khi đã được xử lý ở ngăn lắng sẽ theo ống dẫn sang ngăn lọc. Ngăn này có chức năng lọc các chất thải còn lơ lửng trong nước thải. Vật liệu lọc được sử dụng là cát, sỏi thông thường.

- Kết cấu: Bê tông cốt thép

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Bổ sung chế phẩm vi sinh 03 tháng/lần.

### 1.2.2. Bể xử lý nước thải 2 ngăn

- Quy trình công nghệ:

+ Nước thải sau khi xử lý sơ bộ được đưa vào ngăn 1 có chứa cát, than hoạt tính, đá sỏi để lọc các chất, sau đó nước thải được đưa sang ngăn 2 có chứa các giá thể nhằm tăng cường và ổn định hàm lượng vi sinh cho hiệu quả xử lý tốt nhất.

+ Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể xử lý đạt quy chuẩn quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT cột B thải ngoài theo đường rãnh thoát nước khu vực.

- Thể tích bể lắng: Khoảng 1,2 m<sup>3</sup>.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

### 1.2.3. Hệ thống xử lý nước thải sản xuất

- Quy trình công nghệ:

+ Nước thải phát sinh từ công đoạn nấu và rửa nguyên liệu (nước dịch đen) được tách riêng và thu gom bằng hệ thống mương dẫn, ống dẫn về bể xử lý nước thải dịch đen. Tại bể xử lý nước dịch đen hóa chất (Axit) được hệ thống bơm định lượng bơm từ bồn chứa ra bể xử lý. Thành phần lignin được tách và đưa về bể thu gom lignin. Phần nước trong theo hệ thống đường ống thu nước dẫn về bể điều hòa.

+ Nước thải phát sinh từ công đoạn xeo giấy được thu gom bằng hệ thống mương dẫn và đường ống, dẫn về bể xử lý sơ bộ bột giấy. Tại đây nước thải xeo giấy được bơm nhúng chìm bơm lên hệ thống sàng lọc nghiêng. Bột giấy được tách bỏ một phần. Phần nước trong theo ống dẫn chảy về bể điều hòa. Bể điều hòa có nhiệm vụ điều hòa lưu lượng và nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải.

+ Để đảm bảo hòa trộn đồng đều chất ô nhiễm và tránh hiện tượng phân hủy yếm khí gây mùi hôi thối ra môi trường xung quanh, tại bể điều hòa lắp đặt hệ thống phân phối khí dạng bọt mịn cố định dưới đáy bể. Khi được cung cấp từ máy thổi khí cạn đặt trong nhà điều hành.

+ Từ bể điều hòa, nước thải được bơm lên bể xử lý hóa lý bằng hệ thống bơm nước thải đặt chìm. Để kiểm soát lưu lượng xử lý, trên được ống bơm lắp đặt thêm đường hồi lưu nước. Việc điều chỉnh van hồi lưu, thay đổi lưu lượng nước từ bể điều hòa lên bể xử lý hóa lý.

+ Tại ngăn phản ứng dung dịch hóa chất điều chỉnh pH được hệ thống bơm định lượng bơm lên bể để kiểm soát độ pH của nước. Hệ thống bơm định lượng này được điều khiển bằng thiết bị đo và kiểm soát pH tự động. Đồng thời dung dịch hóa chất keo tụ PAC được bơm định lượng tự động bơm lên để làm tác nhân keo tụ.

+ Ngăn đông tụ, dung dịch Polime (PAA) được bơm định lượng bơm ra bể làm tác nhân đông tụ. Dưới tác dụng của hóa chất PAA các hạt bông kết dính lại với nhau có kích thước lớn hơn.

+ Sau quá trình phản ứng và đông tụ nước lẫn bùn theo ống dẫn về bồn lắng hóa lý. Tại đây phần bông bùn lắng xuống đáy bể, phần nước trong phía trên chảy vào máng thu qua hệ thống tấm răng cưa theo ống dẫn qua bể trung gian. Tại bể trung gian hóa chất trung hòa và chất dinh dưỡng được bổ sung

nhằm đảm bảo pH duy trì trong khoảng 7,5-8, đồng thời bổ sung dinh dưỡng cho phát triển của vi sinh vật.

+ Tại bể thiếu khí được sử dụng các vi sinh vật thiếu khí để phân hủy các hợp chất hữu cơ và vô cơ có trong nước thải. Sau quá trình thiếu khí nước thải được dẫn sang bể hiếu khí.

+ Tại bể Aeroten vi sinh vật hiếu khí sinh trưởng phát triển lấy sinh khối là chất hữu cơ trong nước thải (đặc trưng là thành phần BOD) làm thức ăn. Kết quả là chất hữu cơ trong nước thải được xử lý đến hàm lượng cho phép.

+ Oxy được cung cấp liên tục vào bể bằng máy thổi khí đặt cạn và hệ thống phân phối khí dạng đĩa, khí bọt mịn lắp đặt cố định dưới đáy bể.

+ Quá trình xử lý sinh học tạo ra bùn hoạt tính, phần bùn này lẫn với nước chảy vào máng thu sang bể lắng. Tại đây, phần bùn lắng xuống đáy bể phần lớn được bơm tuần hoàn về bể hiếu khí, phần bùn dư được đưa về bể chứa bùn, phần nước trong phía trên chảy vào máng thu theo ống dẫn sang bể trung gian, từ bể trung gian nước thải được dẫn vào bể khử trùng. Tại bể khử trùng dung dịch hóa chất (Javen) được bơm định lượng bơm ra làm tác nhân tiêu diệt vi khuẩn, vi rút có khả năng gây bệnh đảm bảo nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn sinh học trước khi xả vào nguồn tiếp nhận.

+ Phần bùn ở bể lắng hóa lý được bơm ra sân phơi bùn. Phần bùn lắng ở ngăn phản ứng, ngăn đông tụ định kỳ cũng được dẫn về sân phơi bùn. Tại bể chứa bùn sẽ phân hủy yếm khí giảm thể tích bùn. Phần nước dư tuần hoàn lại bể điều hòa, phần bùn dư định kỳ bơm ra sân phơi bùn. Bùn thải sẽ được thu gom đưa vào kho chứa chất thải nguy hại và giao cho đơn vị thu gom xử lý.

+ Để nước thải đại chuẩn quy chuẩn Việt Nam, về chỉ tiêu Coliforms nước thải được khử trùng bằng nước javen trước khi xả vào môi trường tiếp nhận. Chất lượng nước thải đầu ra hoàn toàn đạt cột B QCVN 40:2011/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

- Công suất hệ thống: 200m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Hóa chất được sử dụng để xử lý nước thải sản xuất của nhà máy cụ thể như sau:

TT	Hóa chất	Đơn vị	Khối lượng /ngày đêm	Khối lượng /năm
1	PAC	kg	2.25	675
2	PAA	kg	1.5	450
3	Javen	kg	0.45	135
4	Polyme	kg	0.3	100

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

### 2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

- 30 ngày kể từ ngày được cấp Giấy phép môi trường.

### 2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý nước thải.

### 2.2.1. Vị trí lấy mẫu

- Vị trí lấy mẫu:

+ Mẫu nước thải sinh hoạt trước xử lý;

+ Mẫu nước thải sinh hoạt sau xử lý

+ Mẫu nước thải sản xuất trước xử lý

+ Mẫu nước thải sản xuất sau xử lý

### 2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

- Theo nội dung được cấp phép tại phần A phụ lục này.

### 2.3. Tần suất lấy mẫu

- Thực hiện quan trắc nước thải theo quy định tại Khoản 5, Điều 21, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể:

STT	Kế hoạch vận hành thử nghiệm	Ghi chú
1	Thời gian đánh giá: 03 ngày liên tiếp sau khi hệ thống xử lý nước thải vận hành thử nghiệm ổn định.	
2	Tần suất lấy mẫu và giám sát: 03 mẫu đơn đầu ra của hệ thống trong 03 ngày liên tiếp (Nước thải sau xử lý).	
3	Đợt 1: Sau khi hệ thống vận hành thử nghiệm ổn định	
4	Đợt 2: Ngày kế tiếp đợt 1	
5	Đợt 3: Ngày kế tiếp đợt 2	
6	<p><b>Đối với nước thải sinh hoạt</b></p> <p>- Thông số: pH; BOD<sub>5</sub>; Tổng chất rắn hòa tan; Tổng chất rắn lơ lửng (TSS); Amoni (Tính theo N); Sunfua (tính theo H<sub>2</sub>S); Nitrat (NO<sub>3</sub><sup>-</sup>) (tính theo N); Phosphat (PO<sub>4</sub><sup>3-</sup>) (tính theo P); Dầu mỡ động, thực vật; Tổng các chất hoạt động bề mặt; Tổng Coliforms.</p> <p>- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B với hệ số K=1,2.</p> <p><b>Đối với nước thải sản xuất</b></p> <p>- Thông số: Lưu lượng; pH; Nhiệt độ; Tổng chất rắn hòa tan; Tổng chất rắn lơ lửng (TSS); Amoni (Tính theo N); Sắt (Fe); Tổng N; Tổng P; Tổng dầu mỡ khoáng.</p> <p>- Quy chuẩn so sánh: QVCN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B với hệ số K<sub>q</sub> = 0,9, K<sub>f</sub> = 1,1</p>	



**PHỤ LỤC 2**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*Kèm theo Giấy phép môi trường số: 102 /GP-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2024  
của Ủy ban nhân dân huyện Bắc Quang)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

**1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

STT	Loại chất thải	Khối lượng (Kg/năm)	Mã chất thải
1	Dầu động cơ hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	2	170203
2	Giẻ lau dính các thành phần nguy hại	1	180201
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	1	160106
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại	2	180102
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa	1	180103
6	Pin, acquy thải	0,5	190601
7	Hộp mực in thải	2	080204
<b>Tổng</b>		<b>9,5</b>	

**1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh**

- Chất thải rắn sinh hoạt: Khoảng 10 kg/ngày.

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại**

- Thiết bị lưu chứa: 07 thùng dung tích 100 lit có nắp.

- Khu chứa chất thải nguy hại:

+ Diện tích: Khoảng 20 m<sup>2</sup>.

+ Thiết kế, cấu tạo: Có vách ngăn với khu sản xuất, có nền cứng chống thấm chảy tràn, mái che, có biển cảnh báo, biện pháp PCCC.

**2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt**

- Thiết bị lưu chứa: Trang bị 01 thùng đựng có nắp đậy, dung tích 240l.

- Công trình lưu giữ: Không bố trí

**B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

Chủ dự án có trách nhiệm phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường liên quan hệ thống xử lý nước thải và các sự cố môi trường khác như sau:

1. Bố trí các thiết bị chắn rác để tránh tắc đường ống thu gom, tiêu thoát nước thải.

2. Định kỳ kiểm tra, vệ sinh đường ống thoát nước thải.

3. Định kỳ hút bùn của hệ thống xử lý nước thải.

4. Xây dựng, phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố môi trường cấp cơ sở, công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường, tổ chức diễn tập ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 108, 109, 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; tổ chức ứng phó sự cố môi trường, thực hiện phục hồi môi trường sau sự cố theo quy định pháp luật. *✓*

180201	1	Giới thiệu các thành phần nguy hại	2
180106	1	Bảng tên nguy hiểm	3
180102	2	Bảng chỉ công tác bằng kính loại	4
180103	1	Bảng chỉ công tác bằng nhựa	5
190601	0,5	Plan an toàn	6
080204	2	Hộp mực in thải	7
	9,5	Tổng	

**PHỤ LỤC 3**  
**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*Kèm theo Giấy phép môi trường số: 102 /GP-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2024  
của Ủy ban nhân dân huyện Bắc Quang*

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Không có

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Không có

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG)**

Không có.

**D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Định kỳ chuyển giao chất thải cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Tuân thủ đầy đủ các quy định về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, an toàn giao thông và các quy định pháp luật có liên quan; thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3. Thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất theo quy định Luật bảo vệ môi trường; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Tuyệt đối không được phép xả nước thải chưa qua xử lý hoặc xử lý chưa đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn ra ngoài môi trường. Chịu mọi trách nhiệm theo quy định của pháp luật nếu để xảy ra các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường, chương trình quan trắc môi trường, giám sát môi trường và phòng ngừa các rủi ro, sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của dự án.

5. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO THỰC HIỆN MÔI TRƯỜNG

Không có

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HƯỜNG VÀ DẠNG SINH HỌC

Không có

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ YẾU BẮT BUỘC SỬ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH VÀ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH VÀ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG)

Không có.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quan lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Dịch vụ chuyên giao chất thải cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Trân trọng giữ gìn các quy định về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, an toàn giao thông và các quy định pháp luật có liên quan; thực hiện tách phân nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có từ năm theo lộ trình quy định tại Điều 23 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3. Thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường; công khai thông tin môi trường và lập hoặc tăng khả năng môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Tuyệt đối không được phép xả nước thải chưa qua xử lý hoặc xử lý chưa đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn ra ngoài môi trường. Chôn lấp hoặc tách riêng theo quy định của pháp luật nếu đề xảy ra các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Bộ tư vấn kiến nghị để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường chuyên trách đảm bảo môi trường, giám sát môi trường và phòng ngừa các rủi ro sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của dự án.